

MỘT THOÁNG GẶP GỠ CÁC BẬC TIỀN NHÂN QUA LỊCH SỬ...

Bài viết của Nguyễn Đức Cung

Trong một chuyến viếng thăm ngôi nhà lưu niệm của cụ Phan Bội Châu (1867-1940) tại Bến Ngự, Huế (Thừa Thiên), chiều ngày 4 tháng 3 năm 2017, Nhật Hoàng Akihito 上皇明仁 [Thượng Hoàng MINH NHÂN] cùng với Hoàng Hậu Shoda Michiko 上皇后美智子 [Thượng Hoàng Hậu MỸ TRÍ TỬ] nước Nhật Bản đã có những lời nhắn nhủ nhàng gửi đến với dân tộc Việt Nam như sau: “*Lịch sử rất cần thiết; nhìn lại lịch sử mới có thể nhìn về hiện tại và tương lai.*” Nhật Bản với Việt Nam trước đây cũng như hiện tại vốn được các cụ nhà Nho của ta xem là hai nước “đồng văn, đồng chủng”, cùng chịu những hậu quả của chiến tranh và các diễn biến của lịch sử. Lời nói quý báu này cho chúng ta nhiều suy nghĩ về đất nước và con người Việt Nam nhất là một đất nước đã kinh qua nhiều giai đoạn điêu linh thống khổ, chiến tranh và các hình thức khổ nạn, các chế độ chính trị hà khắc và những nhiễu.

Trong cuộc sống tại hải ngoại mà chúng ta vừa đau thương kỷ niệm 50 năm Miền Nam rơi vào tay chế độ Cộng Sản, đã thấm thía từng bài học lịch sử, và cũng may mắn thay, ngày 23 tháng Sáu năm 2025, việc dựng tượng đài ba vị anh hùng dân tộc Lý Thái Tổ 李太祖, Trần Hưng Đạo 陳興道, Quang Trung Nguyễn Huệ 光中阮惠 tại Atlantic City, New Jersey do Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Atlantic City tiến hành, một lần nữa lại đưa chúng ta trở về với quá khứ hào hùng của dân tộc. Cảm khái thay khi chúng ta có cơ hội lần giở lại một vài trang sử để thấm nhuần suy nghĩ lại về bài học yêu nước.

1.- Hậu duệ của những bậc anh hùng...

Vào ngày 20/6 tôi nhận được một email của một người gốc Thiếu Sinh Quân VNCH mời tham dự lễ khánh thành tượng đài các bậc tiền nhân anh hùng lịch sử Việt Nam tại Atlantic City, anh Nguyễn Ngà, nguyên Kỹ Sư Lâm Nghiệp thuộc ngành TSQ trước ngày Miền Nam sụp đổ. Nói về hậu duệ của các bậc tiền nhân

trong lịch sử Việt Nam, chúng ta gặp thấy ở hải ngoại rất nhiều những khuôn mặt, thuộc nhiều thế hệ, không kể những nơi xa xôi như ở California, mà ở vùng đông bắc Hoa Kỳ này, chúng tôi cũng đã từng gặp thấy, gần nơi tôi ở, cụ thể hơn cũng có một gia đình bà Mạc Thị Hiền (Mạc Heng) thuộc dòng dõi Mạc Cửu vốn là người khai phá đất Hà Tiên dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu được phong chức Tổng binh, chúa Ninh Nguyễn Phúc Thụ tặng chức *Đại Tướng Quân Võ Nghị Công*. Con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ có chức Đô đốc trấn Hà Tiên (Võ Hương An, *Từ Diển Nhà Nguyễn*, Nhà xuất bản Nam Việt, 2012, trang 359). Tại Philadelphia có một nhân vật nổi tiếng trong Cộng Đồng đó là ông Mạc Hồng Quang vừa mất cách nay mấy năm, có gia phả để lại chứng minh ông là hậu duệ của dòng họ Mạc Đăng Dung ở Kiến An (Bắc Việt), người mà sách *Bản Kỷ Tục Biên* của *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên liệt vào hàng ngũ tiếm ngôi nhà Lê (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập III, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, Hà Nội, 1999, trang 109).

Trên chuyến xe chở đoàn chúng tôi đi Atlantic City tham dự lễ khánh thành tượng đài ngày 23/6 ngoài tôi nói chung là một hậu duệ và tư cách một nhà nghiên cứu sử học còn có hai nhân vật liên quan đến vấn đề con cháu của các bậc anh hùng lịch sử đó là bà La Cẩm Tú mà gia đình thuộc “đảng Ký Con”, một nhân vật lịch sử trong Việt Nam Quốc Dân Đảng thời kỳ 1925-1930 trong đội ám sát của lãnh tụ Nguyễn Thái Học, và ông Lê Ngọc Minh là người gọi cụ Lê Ngọc Thiềm bằng ông nội. Cụ Lê Ngọc Thiềm là Thống Chế Bình Vụ dưới trào vua Khải Định Nhà Nguyễn, nay còn thân nhân sinh sống tại Huế.

Miên man trong dòng tư tưởng trên con đường dài hơn một tiếng đồng hồ từ Philadelphia qua New Jersey (AC), tôi nghĩ đến người chủ trì việc đặt ba pho tượng lịch sử hôm nay, anh Ricky Hoàng chắc cũng phải là hậu duệ nặng ký của một nhân vật lịch sử nào đó hay chăng? Anh Ricky Hoàng là Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tại Atlantic City, Chủ Tịch là ông Nguyễn Tấn Anh Phi hiện đang bệnh không tham dự lễ được. Theo lời nhà văn Trần Quán Niệm, một nhân vật Phật Giáo hoạt động nổi tiếng trong Cộng Đồng từ mấy chục năm nay, đất tại Atlantic City là “đất vàng” nên việc hy sinh công của trong việc xây dựng một khuôn viên để dựng tượng ba vị anh hùng dân tộc phải nói là một kỳ công đầy tính sáng tạo, kiên nhẫn và nhất là tinh thần yêu nước.

Quan sát những cư dân cộng đồng đến tham dự cuộc lễ hôm ấy, người bạn cùng đi với tôi cho biết số người có mặt trong sinh hoạt này đa số là người Việt gốc Hoa, có lẽ là khách hàng quen thuộc của Nhà hàng “Cơm Gà Ninh Kiều”. Bà Liên (AC) một nhân vật nhiều người biết tới, cụ nhân sĩ Trần Văn Chính, bào huynh của ông Trần Quán Niệm cũng có mặt. Vậy thì ai đó cho rằng số đồng bào Việt gốc Hoa đa phần chỉ lưu ý đến việc kinh doanh hơn là chính trị thì đó là một điều sai lầm. Và lại, sinh hoạt hôm ấy phải nói là đậm tinh thần yêu nước hơn là sinh hoạt bình thường. Tôi gặp hai linh mục trẻ tuổi Công Giáo người Việt Nam cùng đi với anh Nguyễn Ngà, đó là Cha Cyrille Trần Đức Lợi, Quản nhiệm Cộng Đoàn Việt Nam tại Atlantic City và Linh mục Anrê Phạm Xuân Thu, S.V.D, Giáo xứ Thánh Anna, Browns Mills, New Jersey cùng một số rất đông anh chị em giáo hữu mặc dù hôm ấy, ngày 23/6 là ngày thường nên mọi người đều phải đi làm việc. Tất cả mọi người đều đang mang tới đây tác lòng rộn rã của mình, không kể tôn giáo, tín ngưỡng nào, vậy thì mấy câu thơ của cụ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) sáng tác trước đây trong *Dương Từ Hà Mậu* phê phán một “*đạo Phật quay lưng với cuộc đời và vận nước*” và “*giáo dân Thiên chúa không nhận thức được ý đồ sâu xa của một số người rao giảng Phúc âm*” như sau đây làm sao có thể chấp nhận được? :

*Trau lòng hai chữ từ bi
Việc nhà việc nước ích gì tới ai
Làm người sao chẳng theo hoài
Thảo cha ngay chúa đoái hoài chi đâu
...Chước khôn chẳng những một phương
Muốn gồm muôn nước theo đường làm tôi
Dân người về đạo Tây rồi
Nước người Tây lấy mấy hồi nhọc lo.*

(Cao Tự Thanh, *Nhỏ Giáo ở Gia Định*, Nhà xb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, trang 149).

Trong khi đó hơn 13 năm giam mình trong chốn ngục tù của chế độ Cộng Sản VN, sau ngày 30-4-1975, Đức Cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1928-2002), con trai trưởng của Cụ ông Ta-đê-ô Nguyễn Văn Ám và Cụ bà Elizabeth Ngô Đình Thị Hiệp, em gái của Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1901-

1963), lại sáng tác bài thi : “*Con có một Tổ quốc Việt Nam*” với những lời lẽ tha thiết như sau:

*“Tiếng chuông ngân trầm, Việt Nam nguyện cầu.
Tiếng chuông náo nùng, Việt Nam buồn thảm.
Tiếng chuông vang lừng, Việt Nam khải hoàn.
Tiếng chuông thanh thoát, Việt Nam hy vọng.
Con có một Tổ quốc Việt Nam,
Quê hương con yêu quý ngàn đời.
Con hãnh diện và con sung sướng,
Yêu quê hương Tổ quốc Việt Nam.
Con luôn yêu non sông gấm vóc,
Con yêu giòng lịch sử vẻ vang.
Con yêu đồng bào con cần mẫn,
Con yêu những chiến sĩ hào hùng.
Sông cuộn cuộn, máu chảy cuộn hơn.
Núi cao cao, xương chất cao hơn,
Đất tuy hẹp nhưng nuôi chí lớn,
Nước tuy nhỏ nhưng lừng danh vang.
Con phục vụ hết cả tâm hồn,
Con trung thành hết bầu nhiệt huyết
Con xây dựng luôn bằng tim óc.
Vui niềm vui đồng bào,
Buồn nỗi buồn dân tộc.
Con có một Tổ quốc Việt Nam,
Quê hương con yêu quý ngàn đời,
Con hãnh diện và con sung sướng,
Yêu quê hương Tổ quốc Việt Nam.*

Bài thơ hay và hiếm có này đã được Linh mục Nhạc sĩ Văn-Chi tại Úc hoà âm và phổ biến khắp nơi trước đây đã được trân quý như một tác phẩm văn học có giá trị ngàn đời.

Nhìn chung, tất cả chúng ta đều đã học biết bài học yêu nước, bài học nằm lòng của dân tộc mà cố nhạc sĩ thiên tài Phạm Duy (1921-2013), một người mà nhạc sĩ Tô Hải (1927-2018) cho rằng “*người nhạc sĩ có khối lượng tác phẩm đồ sộ và giá trị nhất Việt Nam đến ngàn đời còn lưu lại với sử xanh*”. Chính Phạm Duy đã gửi gắm trong mấy câu dạo đầu của bản “Tình Ca” bất hủ: “*Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời người ơi. Mẹ hiền ru những câu xa vời... À ơi, tiếng ru muôn đời.*” mà tiếng hát vượt thời gian của danh ca Thái Thanh vẫn còn trầm bổng đâu đây.

2.-Gặp gỡ các anh hùng dân tộc trên vùng đất tạm dung.

Mặc dù hôm ấy, 23 tháng Sáu 2025, là một ngày rất nóng nhất là vào lúc chính Ngọ, nhiệt độ lên 100 độ C và tâm lý mọi người là ai cũng muốn tìm chỗ mát, nhưng thời điểm khai mạc là lúc cảm nhận được tinh thần vui tươi chịu đựng của mọi người.



Cộng đồng VN về tham dự lễ khánh thành tại khuôn viên bên cạnh nhà hàng Ninh Kiều, Atlantic City, New Jersey, trưa ngày 23/6/2025.



Ông Marty Smart, Thị Trưởng Atlantic City, NJ phát biểu khai mạc

Vào đúng 12 giờ trưa, mọi người trong Nhà Hàng Ninh Kiều, số 1124 Atlantic Avenue, Atlantic City, NJ 08401 bước ra khuôn viên bên cạnh là nơi dựng tượng các vị anh hùng dân tộc đó là vua Lý Thái Tổ, Đức Trần Hưng Đạo và vua Quang Trung Nguyễn Huệ còn che đậy bằng ba tấm vải lớn. MC của cuộc lễ là Kenny Hoàng đã giới thiệu với mọi người ông Marty Smart là Thị Trưởng của Atlantic City nói vài lời chào mừng khai mạc cuộc lễ, kể đến ông Dennis Levinson là County Executive và ông Frank Barbers (Consultant) bày tỏ cảm nghĩ vui sướng được thấy các bức tượng anh hùng lịch sử VN được dựng lên ở trên vùng đất của Atlantic City. Tiếp đó bà La Cẩm Tú, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Philadelphia và Phụ Cận đã có một bài phát biểu bằng Anh ngữ nguyên văn như sau:

“My name is Vicky Ung, President of Vietnamese Community of Philadelphia, Supervisor of Council of VNC of USA. I am here for the unveiling of the three statues of the famous heroes of Vietnam. Though we left VN many years ago, we still brought our beloved culture and our interesting history with us and I have tried to share them with our children and our grandchildren and with people in our new home, the United States of America.

We honor our unsung heroes as important as famous protectors of our country that we have good occasion to glorify them today and feel very proud about our ancestors: King Lý Thái Tổ, General Trần Hưng Đạo and King Nguyễn Huệ.

On behalf of The Vietnamese Community, we wish to thank Mr. Ricky Hoàng for his generous support and warm dedication. Without him, we would not have these statues to install. We also offer our sincere thanks to all the government officials, people who helped to make this event happen. Especially, we thank you for all attending this important event today for the Vietnamese Community. So proud!

(Tạm dịch: Tôi là Vicky Ung, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt tại Philadelphia, PA, Thành viên Ban Giám sát Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Liên Bang Hoa Kỳ. Tôi tham dự lễ khánh thành ba bức tượng của các vị anh hùng nổi danh của Việt Nam. Mặc dù chúng ta đã rời khỏi đất nước Việt Nam nhiều năm về trước, nhưng chúng ta vẫn còn mang theo mình nền văn hoá thân thương và nguồn lịch sử thích thú của chúng ta và tôi đã cố gắng chia sẻ cùng với con cái, cháu chắt và những người sống với chúng tôi trên căn nhà mới tại Hoa Kỳ. Chúng tôi vinh danh những vị anh hùng vô danh cũng như những bậc hữu danh đã có công bảo vệ đất nước mà hôm nay chúng tôi có cơ hội tốt để bày tỏ niềm vinh dự và hãnh diện đối với các bậc tiền nhân của mình: Vua Lý Thái Tổ, Đức Thánh Trần Hưng Đạo và Vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Nhân danh Cộng Đồng Người Việt Nam, chúng tôi xin cảm ơn ông Ricky Hoàng về sự giúp đỡ hết sức quảng đại và tâm tình dấn thân rất nồng nàn của ông. Nếu không có ông chắc chắn chúng ta sẽ không có việc khánh thành các bức tượng như ngày hôm nay. Chúng tôi cũng xin thành thật cảm ơn các cấp chính quyền địa phương và nhiều người để giúp cho cuộc lễ hôm nay được thực hiện. Đặc biệt chúng

*tôi xin cảm ơn tất cả mọi người đã tới tham dự cuộc lễ của Cộng Đồng Người Việt.
Rất hãnh diện!*



Bà La Cẩm Tú, Chủ Tịch CĐ Người Việt Philadelphia, phát biểu...

Các nhân vật Hoa Kỳ và Việt Nam được mời tham dự lễ cắt băng khánh thành các pho tượng và sau đó một đoàn hai con lân cùng đoàn trống thì thùng vang dội chào mừng cuộc lễ. Mọi người chen nhau chụp ảnh, ghi hình kỷ niệm. Ba bức tượng Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo và Quang Trung được đặt làm tại VN chở sang. Người đang quay hình là anh Nguyễn Ngà, Cựu TSQ ngày trước. Sau khi khai mạc tượng đài, nhà hàng Ninh Kiều đã có nhã ý khoản đãi tất cả quan khách tham dự một buổi ăn trưa thực đơn tùy ý chọn, với rất nhiều món ăn đầy chất liệu quê hương.



Từ bên trái sang: Ông Trần Văn Chính, Tác giả Nguyễn Đức Cung, Bà Trần Quán Niệm, Bà La Cẩm Tú, Ông Lê Ngọc Minh, Nhà văn Trần Quán Niệm.



Khi tìm hiểu về lịch sử ba vị tiên nhân anh hùng của đất nước, các tài liệu trong thư tịch, văn khố cho chúng ta một số ý niệm về tiểu sử, sinh hoạt, tâm tư và công trình đóng góp của họ đối với đất nước và con người Việt Nam.



Tác giả Nguyễn Đức Cung chụp hình chung với Ricky Hoàng, Chủ nhà hàng Ninh Kiều, Atlantic City, NJ. dưới chân tượng vua Lý Thái Tổ.



Bà La Cẩm Tú và phái đoàn CĐ Người Việt Philadelphia, PA.

Về vua **Lý Thái Tổ** (1009-1028), sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên chép rằng: “*Họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang, mẹ họ Phạm, đi chơi chùa Tiêu Sơn, cùng với người thần giao hợp rồi có chữa, sinh vua ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình năm thứ 5 [974] thời Đinh. Lớn lên làm quan nhà Lê, thăng đến chức Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Ngoại Triều băng, tự lập làm vua, đóng đô ở thành Thăng Long. Ở ngôi 18 năm [1010-1028], thọ 55 tuổi [974-1028], băng ở điện Long An, táng ở Thọ Lăng. Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận, là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hoà nhã, có lượng đế vương. Song chưa làm sáng chính học, lại ưa thích dị đoan, bị lụy vì chuyện đó.*” (*Toàn Thư, Sách đã dẫn, trang 240*).

Khi viết bộ *Toàn Thư* sử gia Ngô Sĩ Liên đã tham khảo nhiều sách đã sử trong dân gian như *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam trích quái* v.v... gom góp rất nhiều chuyện hoang đường kỳ bí, giàu sự tưởng tượng rất phổ cập trong đời sống dân chúng VN, đưa vào cuốn sử của mình. Việc biến “người thần” thành bố của vua Lý

Thái Tổ nói lên khuynh hướng viết sử thiếu tinh thần khoa học của người xưa, nhất là các viên quan phụ trách viết sử dưới nhiều thời đại phong kiến.



Đoàn lân đang tung bừng tham gia cuộc lễ...

Con đường tiến thân của Lý Công Uẩn là thuở nhỏ làm con nuôi của nhà sư Lý Khánh Vân, lớn lên đi theo nhà sư Vạn Hạnh vào kinh đô Hoa Lư làm quan nhà Lê lên tới chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ và về sau do sự sắp đặt của nhà sư này, ông lên được ngôi vua.

Sáng kiến đầu tiên của vua Lý Thái Tổ đầy tính cách mạng và sáng tạo đó là việc dời đô tránh một nơi nhiều năm ngập lụt, khó khăn về giao thông để đến chỗ thuận tiện gồm đủ thiên thời, địa lợi và nhân hòa.

Sách *Toàn Thư* chép vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ thấy thành Hoa Lư chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu dời

đô gọi là “Thiên đô chiếu” 遷都詔 để hỏi ý kiến thần dân. Các bề tôi nói rằng: *“Bệ hạ vì thiên hạ lập kế lâu dài, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai dám không theo”*. Vua rất mừng. Sách *Toàn Thư* cũng chép: *“Mùa thu, tháng 7, vua từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đổi thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên, sông Bắc Giang gọi là sông Thiên Đức...”* Thành Đại La là nơi thế đất “rồng lượn, hổ chầu” theo quan niệm của ngành địa lý phong thủy ngày trước, đã mở đầu cho một triều đại quân chủ thịnh trị trong vòng hơn 216 năm qua việc xây dựng các nền móng vương quyền, khởi đầu cho sự phát triển kinh tế, mở khoa thi văn để tuyển chọn nhân tài trong ba đạo: Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo. Việc củng cố sức mạnh của dân tộc để chống lại Trung Hoa ở phương Bắc và bành trướng lực lượng về phía Nam, đó là chiến lược sống còn của bất cứ triều đại chính thể nào. Nghệ thuật nhà Lý cũng phát triển với các chùa chiền, đình đài, miếu vũ. Sử gia Lê Thành Khôi đã có viết: *“Phật giáo cũng đã có một ảnh hưởng đặc biệt tốt lành đến các phong tục của thời này. Phật giáo góp phần thuần hoá các phong tục, tập quán. Nếu lịch sử còn ghi lại những vụ âm mưu cướp ngôi và nổi loạn, các vụ âm mưu này đâu sao cũng đã không còn kết thúc bằng một vụ tàn sát tập thể, mà nhiều khi bằng sự tha thứ vốn tỏ ra khá hiệu nghiệm về mặt chính trị.”* (Lê Thành Khôi, *Lịch Sử Việt Nam, từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nhà xb. Nhã Nam & Thế Giới, 2014, trang 178). Sau thời vua Lý Thái Tổ, có nhiều vị vua nối ngôi như mùa đông năm 1055 khí hậu rất lạnh lẽo khắc nghiệt, vua Lý Thánh Tông nói với các quan rằng *“Trẫm ở trong cung sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở vì gông cùm, chưa rõ gian ngay, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khổ khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót.”* Vua sai đem chiếu phát cho họ và mỗi ngày cho ăn hai bữa cơm. (*Việt sử lược*, q. II, t.10ab.- *Toàn thư*, q. III, t. 1ab.)



Trước bức tượng vua Lý Thái Tổ

Trong sách *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Giáo sư Nguyễn Đăng Thục có viết: “Nhưng Lý Thái Tổ xuất thân làm tướng, từ chức quan cận thần Thân vệ mà lên ngôi vua. Vả lại tin tưởng Phật giáo là tư tưởng xuất thế, từ bi không phải là tư tưởng chính trị có hiệu lực, được nhất là buổi đầu mở nước cần đến đức tính xây dựng tích cực thực tế. Bởi thế mà nhà vua chỉ có thể tin theo Phật giáo về mặt tín ngưỡng tôn giáo để lấy lòng dân và thỏa mãn nhu cầu tâm linh cá nhân, còn về kiến thức xử thế tiếp vật ắt phải lấy ở Bách gia chư tử. Và hình như cả về tín ngưỡng tôn giáo, nhà vua cũng không tin vào Phật mà lại tin vào Trời, vào Thiên mệnh. Cho nên sử chép rằng:

“Vua thân đi đánh Diễn Châu, khi trở về cửa Biện (Thanh Hoá), gặp phải trời đất tối tăm, gió sấm ầm ầm. Vua đốt hương khấn Trời rằng: Tôi là người đức mỏng, thẹn ở trên dân, run run sợ hãi như sắp rơi xuống vực sâu, không dám cậy binh quyền, lạm đi chinh phục. Chỉ vì người Diễn Châu không theo giáo hóa, lạm điều ngu bạo tàn ác dân đen, tội ác đầy dẫy, đến nay không thể không đánh dẹp. Đến như

trong lúc giao binh, hoặc có làm chết uống người trung hiếu, hoặc có làm hại người hiền lương, khiến Hoàng thiên nổi giận, nêu rõ tội ra. Tôi dù gặp hoạn nạn cũng không ân hận, nhưng còn sáu quân, tội còn tha thứ được. Xin lòng Trời soi xét cho!”

Lời khấn ấy không phải khấn Phật giải thoát khỏi cả thiện ác, vào Niết bàn vô ngã mà lời khấn Trời như một ngôi vị hữu ngã có thể thưởng kẻ thiện, phạt kẻ ác trong thế gian nhân quần xã hội. Đây là tư tưởng Thiên mệnh của Nho giáo, tin vào quốc gia dân tộc là có thật, không phải hoàn toàn ảo hoá hư không thì mới cố sức tranh đấu, gia công xây dựng cho bền vững lâu dài, như lời chiếu Thiên đô chứng minh.” (Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập III, Nhà xb. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 130-132).



Nhà văn Trần Quán Niệm cùng Phu nhân trước bức tượng Trần Hưng Đạo

Việc triều Lý đánh nhà Tống xảy ra dưới thời Lý Nhân Tông (1072-1127) với sự ra quân của Lý Thường Kiệt và Tôn Đản tấn công Khâm Châu và Liêm Châu vào

năm 1075 thắng lợi đã khiến cho năm sau, 1076, quân Tống bị chặn đứng ở sông Như Nguyệt (tức sông Cầu bây giờ) và phải đến đóng ở bờ sông Phú Lương. Sử gia Trần Trọng Kim cho biết: *Lý Thường Kiệt đem binh thuyền lên đón đánh không cho quân nhà Tống sang sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm máy bắn đá sang như mưa, thuyền của ta thủng nát rất nhiều, quân sĩ chết hàng mấy nghìn người. Lúc bấy giờ quân nhà Tống đánh hăng lắm, Lý Thường Kiệt hết sức chống giữ, nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ:*

南 國 山 何 南 帝 居
截 然 定 分 在 天 書
如 何 逆 虜 來 侵 犯
汝 等 行 看 手 敗 虛

*Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Có người dịch là:

*Sông núi nước Nam, Nam đế coi
Rõ ràng định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Bay sẽ tan tành chết sạch toi.*

Giai thoại lịch sử này chỉ ứng vào cục diện chính trị đời sau của nhà Lý thời Lý Nhân Tông và bài thơ khẩu khí này cũng là cứ liệu để người thời nay coi đó là một bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta. Nghĩ cũng là một ghi nhận thông minh!



Khách mời người ngoại quốc cũng sốt sắng tham dự dù trời nóng gắt.



Hình chụp kỷ niệm cuộc lễ

Về **Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn** thuộc dòng dõi nhà Trần vốn là người Trung Hoa nhưng ngài cũng là khắc tinh của giồng nòi Nguyên Mông vào thế kỷ XIII khi triều đại này sang xâm phạm Việt Nam. Ông tổ của Trần Cảnh lúc đầu còn ở Phúc Kiến sau mới di cư sang làng Tức mặc. Ông tên là Kinh, “Kinh sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, cha của Trần Thái Tổ” (Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Bản kỷ*, quyển 5, tờ 1a). Dòng dõi nhà Trần chủ trương lấy nhau trong dòng tộc nên trong lịch sử xảy ra nhiều việc rắc rối, thí dụ Trần Cảnh là vua Trần Thái Tông, theo ép buộc của Trần Thủ Độ, giáng vợ mình là Chiêu Thánh xuống làm công chúa. *Toàn Thư* ghi rằng : “*Lập công chúa Thuận Thiên họ Lý, là vợ của Hoài Vương Liễu, anh vua làm hoàng hậu Thuận Thiên, giáng Chiêu Thánh làm công chúa. Bấy giờ Chiêu Thánh không có con mà Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang 3 tháng. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực bàn kín với vua là nên mạo nhận lấy để làm chỗ dựa về sau, cho nên có lệnh ấy. Vì thế, Liễu họp quân ra sông Cái làm loạn.*” Trần Quốc Tuấn là con của Hoài Vương Liễu, ông này sau được phong làm Yên Sinh Vương. Ông Liễu trước khi mất dặn con trai là Trần Quốc Tuấn rửa mối thù này, nhưng lúc gặp nạn nước là giặc Nguyên xâm lấn, Trần Quốc Tuấn dẹp bỏ việc riêng để lo đại sự quốc gia. Sách *Toàn Thư* cũng ghi chuyện rằng: “*Lúc ấy, xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài, lại còn mối hiềm cũ của Yên Sinh Vương, nên nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Mọi người đều gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vứt đi chỉ chống gậy không mà đi, còn nhiều việc đại loại như thế.*” (*Toàn Thư*, tập II, trang 54). Điều này nói lên lòng trung thành của một vị tướng thời quân chủ nhà Trần, một bậc anh hùng biết đặt sự sống còn của Tổ quốc trên quyền lợi của gia đình

Trần Quốc Tuấn hay Trần Hưng Đạo là một vị tướng có kinh nghiệm trong công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên từ năm 1257 đến 1284-1288. Nếu muốn thấu hiểu thiên tài quân sự của Trần Hưng Đạo như thế nào thì trước phải tìm hiểu khái quát về chiến thuật của quân Mông Cổ khi họ đặt mục tiêu tấn công một quốc gia nào như Đại Việt chẳng hạn.

Trong cuốn sách *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, hai tác giả Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm đã cho biết như sau: “Quân đội Mông Cổ rất thiện chiến. Thêm vào đó, thiên tài quân sự của Tringhit Khan (Thành Cát Tư

Hãn) đã sáng tạo những chiến lược, chiến thuật thích hợp với điều kiện bản thân và hoàn cảnh khách quan. Những người kế thừa cũng tiếp thu được những chiến lược, chiến thuật đó. Quân Mông Cổ đặc biệt biết lợi dụng điều kiện hành động nhanh chóng mãnh liệt của kỵ đội. Bành Đại Nhã đời Tống tác giả *Hắc Thát sự lược*, đã chép: “Về đánh trận, họ lợi ở dã chiến, không thấy lợi, không tiến quân... Trăm quân kỵ quay vòng, có thể bọc được vạn người, nghìn quân kỵ tản ra, có thể dài đến trăm dặm... địch phân tất phân, địch hợp tất hợp, cho nên kỵ đội là ưu thế của họ, hoặc xa hoặc gần, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc tụ hoặc tán, hoặc hiện hoặc ẩn, đến như rơi trên trời xuống, đi như chớp giật...” [Bành Đại Nhã – Từ Đĩnh: *Hắc Thát sự lược*. Bản in của Giang Tô Thông châu hàn mạc lâm biên dịch ấn thư cục năm Quang Tự Quý Mão (1903), t.3b-t.10a. Bành Đại Nhã và Từ Đĩnh trong thời Tống Lý Tông (1225-1264) đã đi sứ Mông Cổ, lúc trở về cùng soạn sách *Hắc Thát sự lược*, đó là một tài liệu quý để nghiên cứu về đời sống, phong tục, chế độ người Mông Cổ trước khi đánh chiếm Nam Tống]. Bành Đại Nhã còn chép rất rõ cách tấn công bằng kỵ đội của quân Mông Cổ: “Phép phá địch của họ, trước tiên là lên chỗ cao nhìn ra xa, xem địa thế, xét địch tình. Vì chuyên thừa cơ địch rối loạn nên lúc bắt đầu giao phong, thường dùng kỵ đội xông thẳng vào trận địch, mới xông vào mà địch đã núng thì không kể đông hay ít, ồ ạt tiến lên, địch tuy chực vạn, cũng không thể đương được. Nếu địch không núng, thì đội phía trước tản ngang ra, đội tiếp theo xông lên, nếu không vào được thì đội sau nữa lại tiến lên như vậy. Nếu trận địch vững chắc, trăm kẻ không xông vào được, thì họ xua bò, quắt ngựa cho súc vật đâm vào trận địch, ít khi mà địch không bại. Nếu địch chia giáo tủa ra chống, không để ngựa xông vào, thì họ cho quân kỵ bọc xung quanh, thỉnh thoảng bắn một mũi tên, khiến cho địch phải vất vả. Cầm cự ít lâu, địch tất không có ăn hay thiếu củi nước, không thể không nao núng, bấy giờ họ mới tiến quân uy hiếp, hoặc là trận địch đã núng nhưng họ không đánh ngay, đợi địch mệt mỏi rồi mới xông vào. Nếu quân của họ ít thì trước hết lấy đất rải ra, sau đó lấy cây kéo, khiến cho bụi bay mù trời, địch nghi là quân đông, thường tự tan vỡ, nếu không tan vỡ thì khi xông vào, tất thế nào cũng phá được. Có khi họ xua hàng binh lên trước, cố để cho thua, đợi lúc địch kiệt sức, mới đem quân tinh nhuệ ra đánh. Có khi vừa giao chiến, đã giả thua chạy, vờ bỏ xe cộ, vứt vàng bạc, địch cho là bại thật, đuổi mãi không thôi, gặp phải quân kỵ phục kích của họ, thường là bị tiêu diệt hết... Họ mà thắng thì đuổi theo địch chém giết, không để trốn thoát, họ mà thua thì chạy rất nhanh, đuổi theo không kịp”. [Bành Đại Nhã - Từ Đĩnh: *Sách đã dẫn*, t.9b-10a.] Do điều kiện tiến nhanh của kỵ đội, quân

Mông Cổ thường quen đánh những trận vu hồi lớn. Khi đánh vào một vùng nào hay một địa điểm nào, họ thường tấn công bằng nhiều gọng kìm từ các phía lại. Họ thường tránh thực đánh hư, dụ địch ra khỏi căn cứ mà tiêu diệt.

Với đội quân thiện chiến đó, Trin-ghit Khan và những người thừa kế đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược thế giới. Về sau, khi học được cách chế tạo các vũ khí đánh thành của người Trung Quốc và người Tây Á, quân đội Mông Cổ lại càng hùng mạnh. Nhưng đội quân hùng mạnh đó, một lần tấn công vào Chiêm Thành, ba lần tấn công vào Đại Việt, đều bị thất bại nhục nhã. Nhân dân Việt Nam thế kỷ XIII đã ghi vào lịch sử dân tộc những trang sáng chói.” (Hà Văn Tấn-Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, trang 63-65).

Trong một tác phẩm được coi là thuộc loại ‘văn hoá nhân loại học’ nổi tiếng xuất bản gần 20 năm trước đây với tên *Tôtem Sói (Wolf Totem)* 狼圖騰 (Lang Đồ Đằng) của Khương Nhung có viết: “*Tổ tiên người Mông Cổ là dân tộc săn bắn cư trú tại thượng lưu Hắc Long Giang, sau tiến dần về thảo nguyên Mông Cổ sống cuộc sống nửa săn bắn nửa chăn thả. Săn bắn là nguồn thu nhập quan trọng của mỗi gia đình, thậm chí là nguồn thu chính. Ở thảo nguyên Olôn, dân chăn ngựa có địa vị cao hơn. Những thợ săn giỏi thường xuất thân từ đám dân chăn ngựa. Đám thanh niên trí thức rất ít người có thể trở thành dân chăn ngựa, mà nếu có thì cũng chỉ là người học việc, thân phận học trò.*” (Trần Đình Hiến dịch, Nhà xb. Công An Nhân Dân, Công Ty Văn Hoá Đông A, 2005, trang 21).



Tác giả Nguyễn Đức Cung, Bà Liên & Ricky Hoàng

“Thành Cát Tư Hãn rất coi trọng săn bắn. Ông thường nói, săn bắn là công việc chính đáng của quân quan, rất có ích, binh sĩ được rèn luyện, người lính thì làm hết nghĩa vụ của mình. Họ được học cách truy đuổi con mồi, cách bắn hạ con mồi, cách bày trận, cách triển khai vòng vây bằng vào số người nhiều ít... Khi không có chiến trận, họ thường tổ chức săn bắn, khuyến khích binh sĩ đi săn. Mục đích không chỉ vì săn được con mồi, mà còn có thói quen săn bắn, sử dụng thành thạo cung tên, và chịu đựng gian khổ” (***Tifiner “Tiểu sử những kẻ chinh phục thế giới” – Quyền thượng***). (Trần Đình Hiến dịch, Sách đã dẫn, trang 186). Những tư liệu dẫn chứng trên đây càng cho thấy thiên tài quân sự của Trần Hưng Đạo khi phải đối đầu với một kẻ thù hung hãn nhất trên thế giới như giặc Nguyên là thật đáng khâm phục.

Trong sách *Lịch sử Việt Nam, từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, sử gia Lê Thành Khôi dựa trên tư liệu của Chavannes, của *Toàn thư* và *Cương mục* đã viết:

“Đầu thế kỷ XIII, Thành Cát Tư Hãn (Gengis-Khan), thống nhất nước Mông Cổ và chiếm Bắc Kinh (1215). Khai Phong sụp đổ năm 1233, Mông Cổ sáp nhập toàn bộ Bắc Trung Hoa. Mông Kha bắt đầu chinh phục đế quốc Trung Hoa của nhà Tống. Trước khi tấn công trực diện Trung Quốc tại hạ lưu sông Dương Tử, ông truyền cho em mình là Hốt Tất Liệt (Qoubilai) đánh vào phía tây. Cùng với Ngột Lương Hợp Thai (Ouriyangqadai), Hốt Tất Liệt chiếm vương quốc Nam Chiếu năm 1252. [Chavannes, *Inscriptions et pièces de chancellerie* (Bia ký và tư liệu của dinh trưởng ấn) TP, 1905, trang 1-7; *Nan-tchao ye-che* {Nam chiếu dã sử}, bản dịch sang tiếng Pháp Sainson, 109.- R.Grousset, *L’empire des steppes* {Đế quốc thảo nguyên}, trang 350.

Mùa thu năm 1257, Ngột Lương Hợp Thai tới biên giới Việt Nam và đề nghị Thăng Long cho mình tiến quân qua lãnh thổ Việt Nam để tấn công quân Tống từ phía nam. Vua Trần Thái Tông từ chối: ngài đã không chỉ bắt làm tù binh các sứ giả Mông Cổ, mà còn cử cháu ngài là Quốc Tuấn cầm đầu một đạo quân hùng mạnh trấn giữ biên thùy. [*Toàn thư*, q. V, t. 2a. Xin xem T. Yamamoto, *Quân Nguyên và nhà Minh xâm lược An Nam* (bằng tiếng Nhật), Tokyo, 1950]. Quân Mông Cổ tiến dọc theo sông Hồng và đẩy lui các đạo quân của Việt Nam. Kinh đô bỏ trống bị đốt sạch và giết sạch (tháng Giêng 1258). Nhưng quân Mông Cổ, không chịu nổi khí hậu, đã sớm có dấu hiệu mệt mỏi. Thái Tông mở cuộc tấn công và đánh bại quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ phải rút về Vân Nam sau khi bị người miền núi đón đánh tại Quy Hóa. [*Cương mục*, q.VI, 22b.] (Lê Thành Khôi, *Sách đã dẫn*, Nhà xb. Nhã Nam & Thế Giới, 2014, trang 210).

Trần Hưng Đạo, nói theo danh từ hiện đại, là vị tướng lãnh nắm vững nghệ thuật tâm lý chiến. Tháng 10, 1283 ông thống lĩnh toàn bộ quân sĩ ngoài biển và trên bộ, tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại bến Đông Bộ Đầu trên bờ phía đông của sông Hồng để phát huy thanh thế với quân sĩ lên đến 200.000 người. Ông cho soạn bộ *Binh thư yếu lược* dựa trên các triết thuyết quân sự cổ thời dành cho tướng sĩ của mình để trang bị cho họ tinh thần và kỷ luật chiến đấu và đưa ra *Hịch tướng sĩ* để kích động ba quân. Quân dân Đại Việt đã hết sức phấn khởi tự nguyện xăm nơi cánh tay hai chữ “Sát Thát”, nghĩa là giết quân Mông Cổ. *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo là một bản anh hùng ca nêu cao tấm gương của các anh hùng lịch sử đã hy sinh vì vua và cũng gọi lên nỗi lòng thù hận với kẻ địch. Tác giả đã cụ thể hoá Tổ quốc

qua những thái ấp của quý tộc, mồ mả của tổ tiên và niềm vui của gia đình, lời lẽ trong bài hịch rất thân tình. Trong *Việt Nam Sử Lược*, học giả Trần Trọng Kim đã để lại một bản dịch rất hay mà chúng tôi xin trích lại một vài đoạn như sau:

“Huống chi ta cùng các người sinh ở đời nhiều nhưong, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những nguy sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, lại cậy thế Hốt Tất Liệt 忽必烈 mà đòi ngọc lụa, ý thế Vân Nam Vương [Khi quân Mông Cổ lấy được đất Vân Nam rồi, Hốt Tất Liệt phong cho con là Hốt Kha Kịch làm Vân Nam Vương] để vét bạc vàng; của kho có hạn, lòng tham khôn cùng, khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau!

“Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa được xả thịt lột da của quân giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền, cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta tăng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng ta sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười, những cách cư xử so với Vương Công Kiên, Đường Ngột Ngai ngày xưa cũng chẳng kém gì.

Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hầu giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiến nguy sứ, mà không biết căm; hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham về săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc đến, thì چرا gà trống sao cho đâm thủng được áo giáp; mèo cờ bạc sao cho dùng nổi được quân mưu... chén rượu ngon không làm được cho giặc say chết; tiếng hát hay không làm được cho giặc điếc tai; khi bấy giờ chẳng những là thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng hết; chẳng những là gia quyến của ta bị đuổi, mà vợ con các người cũng nguy; chẳng những là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về sau, tiếng xấu hãy còn mãi mãi; mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng nhục, đến lúc bấy giờ các người đâu muốn vui vẻ, phỏng có được hay không?

Nay ta bảo thật các người: nên cẩn thận như nơi củi lửa, nên giữ gìn như kẻ húp canh, dạy bảo quân sĩ, luyện tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức

khoẻ như Bàng Mông và Hậu Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được quân giặc, mà lập nên được công danh. Chẳng những là thái ấp ta được vững bền, mà các người cũng đều được hưởng bổng lộc; chẳng những là gia quyến của ta được yên ổn, mà các người cũng đều được vui với vợ con, chẳng những là tiên nhân ta được về vang, mà các người cũng được phụng thờ tổ phụ, trăm năm vinh hiển; chẳng những là một mình ta được sung sướng, mà các người cũng được lưu truyền sử sách, nghìn đời thơm tho; đến bây giờ các người đâu không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ...” (Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Nhã Nam & Nhà xb. Văn Học, ấn bản 2015, trang 128-129)

Danh tướng Trần Hưng Đạo là người biết tạo niềm tin cho các bậc vua chúa và quần thần chung quanh ông. Khi vua Trần Nhân Tông xuống Hải Đông (Quảng Yên, thấy thế giặc lấy làm lo, cho vời Trần Hưng Đạo đến và nói: “*Thế giặc to như vậy, chống lại thì nhân dân sẽ tàn hại, hay là trăm đầu hàng để cứu muôn dân.*” Hưng Đạo Vương tâu: “*Những lời vừa qua diễn tả tâm lòng nhân ái của bệ hạ, nhưng tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ có ý định đầu hàng, xin chặt đầu thần trước đã.*” Sự cương quyết của vị chỉ huy khiến nhà vua an lòng. (Lê Thành Khôi, *Sđd*, trang 216).

Trần Hưng Đạo đã biết bám sát vào lòng dân, thương yêu tướng sĩ, cố kết được nhân tâm, dùng “đoàn trận phá trường trận”, tổ chức du kích chiến khi lâm thế yếu, khuyên dân nếu thua giặc thì trốn vào rừng chớ không chịu đầu hàng, khi đầy đủ sức mạnh thì tổ chức vận động chiến, sử dụng mưu lược, khai thác thế mạnh của núi sông hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt để tiêu diệt địch thù, “*dĩ dật đãi lao*” (lấy nhân khoẻ đánh bọn mệt mỏi), không để cho giặc khai thác được lợi thế “*ky đội*” của mình.

Khi vua Trần Anh Tông ngự giá đến thăm mới hỏi rằng: “Thượng phụ một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc lại sang thì làm thế nào?” Trần Hưng Đạo đáp: “... *Đại để, kẻ kia cậy có tràng trận, mà ta thì cậy có đoàn binh; lấy đoàn chống nhau với tràng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến ầm ầm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà, như tầm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị; thì ta nên kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, phải tùy cơ*

mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả.”

Hai câu thơ sau đây của Thánh Tông thượng hoàng cảm khái làm khi thấy giang sơn lại được như cũ, sau ba lần Đại Việt dẹp được giặc Nguyên Mông, kín đáo ẩn ngụ trong đó công ơn to lớn của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

社稷兩回勞石馬
山河天古殿金甌
*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.*

Dịch nôm:

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông thiên cổ vững âu vàng.*

Công lao của Đức Trần Hưng Đạo ngày nay cũng được con cháu VN thể hiện lòng biết ơn qua tượng đài được dựng nên trong ngày 23/6 vừa qua tại Atlantic City, tiểu bang New Jersey, Hoa Kỳ.

Phần sau hết được dành cho triều đại Tây Sơn mà đại biểu xứng đáng nhất là **Quang Trung Nguyễn Huệ**, người em út của Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ thuộc thế kỷ XIX có tượng đài dựng hôm nay. Dưới thời nhà Nguyễn, triều đại Tây Sơn được kể vào loại “Ngụy” 僞 hay “Tặc” 賊 nghĩa là giặc cướp, hay phiến loạn. Các sách sử do Quốc sử quán Triều Nguyễn như *Đại Nam Liệt Truyện*, *Đại Nam Thực Lục*... kể cả các sách dã sử do ngoài dân gian viết dày hay mỏng... đều gọi ba anh em Tây Sơn là “Ngụy Tây” 僞西 hay “Tây Tặc” 西賊 cho đến năm 1920 khi Trần Trọng Kim viết *Việt Nam Sử Lược* mới đưa dòng tộc Tây Sơn vào hàng triều đại chính thống của Việt Nam. Năm 1943, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, trong một cuốn sách có tên *Quang Trung Nguyễn Huệ*, mới dần dần khôi phục lại vị trí lịch sử của dòng tộc này. Sau khi Việt Minh Cộng sản cướp chính quyền năm 1945, lợi dụng thời cơ chính trị, một số các cây viết mác-xít đã khai thác các khía cạnh lịch sử để tìm thấy trong triều đại Tây Sơn một vài lợi điểm cho chế độ, chẳng hạn như cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là một cuộc khởi nghĩa của nông dân, lá cờ đỏ của Tây Sơn năm 1773 không khác gì lá cờ búa liềm của CS, họ giành cho Tây Sơn công trạng thống nhất đất nước trong khi công trạng đó thực sự là của chúa Nguyễn Ánh v.v... Những

nhà viết sử vô sản như Văn Tân, Văn Tạo, Nguyễn Phan Quang, Đào Duy Anh và biết bao thế hệ đàn em sau này đã góp nhiều công sức đưa triều đại Tây Sơn lên đỉnh cao của lịch sử bất kể sự thật lịch sử như thế nào.

Nhưng ngày nay các nhà nghiên cứu lịch sử đã bình tâm nhìn lại triều đại Tây Sơn để nhận chân được giá trị cốt lõi của dòng tộc này qua rất nhiều tài liệu của ngoại quốc tiêu biểu là văn khố của Bộ Hải quân và Thuộc địa cũ và Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (Pháp). Nói chung giới nghiên cứu đầu thế kỷ XX bắt đầu bỏ qua quan điểm coi nhà Tây Sơn như “giặc cướp” hay “phiến loạn” như sách của Trần Trọng Kim, Phan Bội Châu và mới đây như George Dutton, *Cuộc nổi dậy của nhà Tây Sơn – The Tây Sơn Uprising*, Lê Nguyễn dịch và giới thiệu, Nhà xb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh & Dtbooks, 2016 (In lần thứ ba, trang 45). Ở Miền Nam Việt Nam, trước năm 1975 đã có nhiều sách vở, nghiên cứu viết về triều đại Tây Sơn trong đó phải kể đến đó là đặc biệt là tác phẩm *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn* của Linh mục Nguyễn Phương (1921-1993), giáo sư sử học thuộc Viện Đại Học Huế và cuốn *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802* của Tạ Chí Đại Trường, được giải nhất về biên khảo Việt sử văn học nghệ thuật 1970.

Về danh xưng **Tây Sơn**, xuất phát từ lời sấm của Giáo Hiến là thầy dạy đã nói với Nguyễn Nhạc lời này: “*Sấm có câu: Tây khởi nghĩa, Bắc thâm công, mày là người Tây sơn, hãy gắng lên*” (Nguyễn Phương, Sdd, trang 12). Nguyễn Nhạc là người mà một vài nhân chứng là giáo sĩ người Âu gọi ông ta là “cái ông Nhạc bội giáo ấy”, tin rằng ông ta sinh ra trong một gia đình Thiên Chúa giáo” [Pierre-Yves Manguin, *Les Nguyễn, Macau et le Portugal: Aspects politiques et commerciaux d'une relation privilégiée en Mer de Chine 1773-1802* (Nhà Nguyễn, Macau và xứ Bồ Đào Nha: Các khía cạnh chính trị và thương mại của một mối quan hệ đặc biệt tại biển Đông 1773-1802, École Française d'Extrême-Orient (Viện Viễn Đông bác cổ), Paris, 1984, tr. 158]. (George Dutton, Sách đã dẫn, trang 30) là lãnh tụ của cuộc nổi dậy.

Nhà sử học Tạ Chí Đại Trường đã viết: “Trong một quyển dã sử còn lại, có một vài nét về Nguyễn Huệ có vẻ thực lắm: “Tóc Huệ quăn, mặt mụn đầy, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái trông rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu...” [*Tây sơn thuật lược*. Tạ quang Phát dịch, Sử Địa số 9-10,

t. 165] . *Tóc quăn, mặt mụn, mắt không đều* là dấu vết của thân xác. Nhưng câu chuyện trông mắt có ánh sáng phát ra, ban đêm soi sáng cả chỗ ngồi là cảm tưởng của người nhìn khiếp sợ trước oai vũ của “Thượng công”. (Tạ Chí Đại Trường, *Lịch sử nội chiến Việt Nam, từ 1771 đến 1802*, Nhà xb. Văn Sử Học, 1973, trang 271).

Khi mới nổi lên, quân Tây sơn dưới mắt dân chúng được coi là bọn “kẻ cướp hiền lành” so với chính quyền là hạng người bóc lột. (Nguyễn Phương, *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn*, Nhà xb. Khai Trí, Sài Gòn, 1967, trang 34). Theo sử gia linh mục Nguyễn Phương, căn cứ theo lời của giáo sĩ Diego de Jumilla, trong thư đề ngày 15 tháng 2, 1774, tại Tiên địa gần Đà Nẵng, viết bằng tiếng Tây ban nha, và dịch ra Pháp văn trong B.S.E.I. tập 15, 1940 trang 74, “*Sự thật, lúc đầu, quân Tây sơn không sao tránh được danh hiệu kẻ cướp, vì hành động của họ là ăn cướp, ăn cướp của nhà giàu để rồi ăn cướp chính quyền... Chủ trương, ít ra như lời bọn họ nói, là làm cho ai cũng bằng ai, và họ chỉ muốn thi hành chủ trương đó.*” (Nguyễn Phương, *Sđd*, trang 35). Nhưng đây là hành vi của Tây Sơn lúc ban đầu.

Theo George Dutton trong sách *Cuộc nổi dậy của nhà Tây Sơn (The Tây Sơn Uprising)*, “Một trong những sáng kiến đầu tiên và quan trọng nhất của họ về phương diện này là tái phân phối tài sản khi họ đi về nông thôn, mang theo khẩu hiệu: “*Lấy của người giàu cho lại người nghèo*” [Ủy ban Khoa học xã hội, *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 337]. Theo tài liệu của người châu Âu thời này, có vẻ như quân Tây Sơn nhằm đạt được sự ủng hộ của người dân nông thôn thông qua việc tái phân phối tài sản như thế. [P. Lorenzo Pérez, “La Révolte et la guerre des Tayson d’après les Franciscains Espagnols de Cochinchine, tldđ, tr. 74]. Tuy sử dụng ngôn ngữ không được nhẹ nhàng hơn, các nguồn tư liệu của người Việt vào thế kỷ XIX cũng miêu tả hành động của họ với những từ tương tự: “*Vào thời điểm đó, những kẻ nổi dậy đứng lên, cướp của người giàu chia cho người nghèo, lừa bịp họ bằng những ân sủng nhỏ nhất để mua lòng mọi người.*” [Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, tập 2, sđđ, tr. 492]. Trong lúc các sáng kiến đó được xem như những phương tiện (nhằm đạt được sự ủng hộ của người dân như sử nhà Nguyễn đã ghi) hơn là cứu cánh, ý tưởng cổ xúy cho công bằng về kinh tế trở thành trung tâm điểm của phong trào lúc ban đầu.” (Georg Dutton, *Sđđ*, trang 160).

Khi mới nổi dậy, anh em Tây sơn xưng mình là những “người áo vải” qua câu nói trong một thư gửi cho các tướng của họ Trịnh vào xâm chiếm Đàng Trong năm 1776, mở đầu bằng câu: “*Tôi xuất thân là người áo vải đến từ vùng Tây Sơn*” mà theo Dutton “*hình như nó được dùng như một hình thức tôn kính, gợi lên sự khiêm tốn và không tiềm ẩn một sự đe dọa nào, song có lẽ cũng là một biểu thị của sự trong sáng, như là họ đang tìm cách nhấn mạnh đến tính chính đáng trong hành động của họ.*” (George Dutton, *Sđd*, tr. 164).

Nhưng với chỉ một năm sau, quân Tây Sơn không còn là một bọn cướp hiền lành” nữa. Giáo sĩ Jumillia đã thuật lại: “*Trước khi rút bọn khởi nghĩa tàn hại cả miền, không còn để lại một con gà, con vịt nào sống, thế là đủ biết. Họ lấy mất 82 đại bác người Hoà lan và người Anh đã dâng Chúa Nam hà để gi7u4 thị trấn của tỉnh này, là tỉnh trong đó có hải cảng Đà Nẵng. Họ cũng bắt hết 45 voi, lấy nhiều khí giới, trống, cờ và vô số các vật hạng khác. Mỗi quan Tây sơn rút đi với 12 thuyền đầy của cải, chở theo đường biển, cho đến chỗ họ ở. Họ đã đốt mất dinh của Chúa ở trong thành, đốt nhiều nhà các quan, và đốt cả chín đền thờ nằm trong vòng thành, chín vị Chúa đã cai trị nước này kể từ khi tách ra khỏi Bắc hà.*” [B.S.E.I., tập 15, 1949, 80]. (Nguyễn Phương, *Sđd*, tr. 56). Theo nhận định của sử gia linh mục Nguyễn Phương, lần này quân Tây sơn thất trận, “*chẳng qua vì họ quá say mê đi ăn cướp nên quên cả phòng bị, chứ không phải quân Chúa mạnh mẽ gì.*” (trang 57).

Năm 1786, nghĩa là hơn 12 năm sau cuộc khởi nghĩa, khi thực lực Tây Sơn đã vững vàng, Nguyễn Huệ nhìn về phía Bắc tỏ ý muốn “diệt Trịnh phò Lê”. Ngày 23 tháng 6, 1786, giáo sĩ La Bartette đã viết về sự Tây Sơn ra Bắc như sau:

“*Tôi không tin họ kiêu căng đến nỗi muốn chiếm Đàng Ngoài để cai trị, tôi tin họ ra ngoài đó chỉ là để phô trương rằng họ can đảm và để cố cướp lại một phần số vàng bạc mà người Bắc hà đã lấy về trong khi Chúa Nguyễn bỏ trốn.*” [Cadière, Documents, trang 14: *Je ne crois pas qu'ils poussent leur orgueil jusqu'à vouloir prendre tout le Tonkin et y régner; je crois qu'ils y auront é té pour faire seulement parade de leur bravoure et tâcher d'en enveler une partie de l'or et de l'argent que les Tonkinois avaient pris du temps de la fuite de Chúa Nguyễn...*] (Nguyễn Phương, trang 178).

Từ trong gia đình, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đã từng có những nhận xét rõ ràng chân thực về nhau. *“Như mọi người khác Nguyễn Nhạc nhận được nơi em ông một người có tài làm tướng, can đảm xông pha, thao lược có thừa. Nhưng không phải chỉ có thế. Ông còn thấy rõ ràng em ông là một người có tính “giảo, lang” 狡狼, nghĩa là quỷ quyết và độc ác, phản bội. Một người “giảo, lang” như vậy, nếu mà có thế lực mạnh trong tay, tưởng không gì đáng sợ cho bằng. Và cố nhiên Nguyễn Nhạc phát sợ khi thấy Nguyễn Huệ bắt đầu ý thức sức mạnh của mình.”* [Cương mục, q. 46, tờ 27b: Văn Huệ ký khác Thăng long, Văn Nhạc văn chi, đại kinh, dĩ vi quân tốt thâm nhập, dĩ cửu tất nan, hựu dĩ Văn Huệ tố giảo lang, đắc chí tắc cử quốc tự đồ... Hoàng Lê nhất thống chí, tờ 78a.] (Nguyễn Phương, trang 189). Tuy nhiên dưới mắt nhìn của nhà sử học Tạ Chí Đại Trường thì *“Dù Nguyễn Nhạc có ghét em đến dùng chữ “giảo quyết”, “hợm hĩnh”, “kiêu ngạo”, người ta vẫn nhìn hành động của Huệ để mà thấy các hình dung từ trên không có ý nghĩa xấu khi gán cho một con “hùm (muốn) ra khỏi cũi.”* (Tạ Chí Đại Trường, Sách đã dẫn, trang 272)

Trong chuyến ra Bắc lần này, quân của Nguyễn Huệ đã cướp phủ chúa Trịnh. Về việc cướp phủ chúa Trịnh, giáo sĩ Le Roy nói rằng : *“Người Nam Hà đã áp đoạt tất cả, nào vàng, nào bạc, nào đại bác, súng, đồ đạc, nào voi, ngựa; họ chỉ để lại có cái khung phủ mà thôi”* [Cadière, Documents, trang 11.] Nhưng trong việc đó, họ còn có một tỷ lý vì Chúa Trịnh có thể liệt được vào hạng người đã thoán đoạt bất công. Cách họ nhiều hại dân chúng khi họ kéo quân về, họ *“đã lấy hết tượng phật, chuông, các thứ tượng khác, nghĩa là tất cả những gì bằng đồng, bằng kim khí để dùng đúc tiền...”* Hơn thế nữa, họ *“cướp bóc hai bên bờ sông, bắt cóc đàn bà và trẻ con, và làm nhiều điều dơ uế...”* Vào đến Thanh hoá, họ xông vào phủ Liên trường, quê hương của nhà Chúa Trịnh, và là chỗ các Chúa chất chứa nhiều của cải, lấy sạch rồi mới vào Nghệ an. Khi được tin anh em Tây sơn rút quân về, Lê Chiêu Thống đã buồn bã nói: *“Anh em nhà hấn cướp hết nước ta mà đi, để cái “nước không” lại cho ta”* [Hoàng Lê nhất thống chí, tờ 86a]. (Nguyễn Phương, trang 197-198)

Ngòi bút của linh mục sử gia Nguyễn Phương cho biết thêm về khối lượng chiến lợi phẩm thu được trong chuyến Nguyễn Huệ ra Bắc lần đầu tiên này: *“Có lẽ Nguyễn Huệ không tức giận Anh ông bao nhiêu khi Nhạc bắt ông bỏ Bắc hà mà về. Lúc đó quyền Anh và quyền Em chưa chia ranh giới, hay là quyền hành chưa được*

đặt thành vấn đề. Nhưng không lâu sau vấn đề phải đặt, vì không lâu sau, anh em Nhạc Huệ phải quyết định chủ quyền trên cả kho báu thu hoạch được trong chuyến ra Bắc.

*Kho báu này lớn thật, vì người ta nói đã phải cần đến năm mươi voi để chở [Tiêu Nhất Sơn, *Thanh đại Thông sử*, Đài bắc, 1961, quyển 2, trang 136.] . Đó là chưa kể đến việc chở bằng đường thủy, tức là phương tiện vận chuyển chính lúc bấy giờ, và việc chở bằng phu phen. Cứ tưởng tượng công trình gom góp của các Chúa Trịnh qua mấy trăm năm, kể từ Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, và không quên thêm vào đó những quý vật mà chồng của Ngọc Hân đã nhận được bởi hai vua Lê.” (Nguyễn Phương, Sđd, trang 206).*

Nghĩ mình là anh cả, Nguyễn Nhạc chiếm lấy phần lớn chiến lợi phẩm.

Sử sách triều Nguyễn cho biết, đã hằn học vì nhận được phần nhỏ từ chiến lợi phẩm thu về của Bắc hà, Nguyễn Huệ lại mất lòng tôn kính ông anh. Đang khi ông bận việc ở Bắc, Nguyễn Nhạc đã gian thông với vợ ông. Nay với chức Trung ương Hoàng đế, Nhạc càng ăn ở dâm bạo, giết Nguyễn Thung, một người đã cộng tác với ông ta ngay từ buổi đầu. Dân chúng vùng Qui nhơn rất ta thán trước những cử chỉ ô trọc đó. Và Nguyễn Huệ nghĩ đến lúc phải phục thù. [Chính biên liệt truyện, quyển 30, tờ 13b. Sách vừa dẫn, tờ 14 a: *Nhạc ký đặc chí, nhật tứ dâm bạo, sát Nguyễn Thung, hựu dâm Huệ thê, nhân giai xú chi.*] (Nguyễn Phương, Sđd, trang 208).

Để giải toả sự uất ức của mình, Nguyễn Huệ sai sứ vào Qui nhơn xin cắt thêm cho ông đất Quảng nam, Nhạc từ chối. Một phái đoàn thứ hai của Huệ cũng gửi vào xin việc đó nhưng phái đoàn này vào tới Trà cầu [Tây sơn sử truyện, tờ 10b.] thì họ bị giết. Không cầm mình được nữa, Huệ chửi anh ông, dùng đến những lời như “sài lang, cẩu, trệ” 豺狼, 狗, 彘 [Liệt truyện, q.30, tờ 14b: *chó sói, chó, lợn*].

Thế là hai anh em bắt đầu một cuộc chiến tranh nội bộ. Đầu năm 1787, Nguyễn Huệ xua vào Qui nhơn một toán quân đến sáu vạn người, tưởng là dễ thắng nhưng tình trạng tỏ ra khá gay go. Ông cưỡng bách nhập ngũ dân vùng Quảng Trị, Thừa Thiên từ 15 tuổi trở lên và với lực lượng mới ông vây chặt thành Đồ Bàn khiến Nguyễn Nhạc phải lên mặt thành kêu gọi đến tình anh em, Huệ mới cho giải vây và thu quân.

Sau khi diệt chúa Trịnh và tôn phù nhà Lê, Nguyễn Huệ lại được tin vua Lê Chiêu Thống sang Tàu cầu viện nhà Thanh nên đã chuẩn bị cuộc chiến tranh đối phó với phương Bắc.

George Dutton viết: “Sau khi tự xưng hoàng đế vào cuối tháng 11, Nguyễn Huệ nhanh chóng tập hợp khoảng 20.000 quân tiến thẳng ra Bắc. Ông ban bố một lời kêu gọi quân sĩ, gọi lại ký ức lịch sử về những người đi trước từng chống lại những đạo quân Tàu xâm lăng hùng hậu:

“Dưới thời Hán, có Hai Bà Trưng. Thời Tống có Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Thời Nguyên Mông có Trần Hưng Đạo. Thời Minh có Lê Thái Tổ, người sáng lập triều đại hiện nay. Những vị anh hùng này không thể ngồi yên nhìn kẻ thù ngang nhiên dùng bạo lực và tàn ác với dân mình. Họ đã nghe theo ý nguyện của dân và giương cao lá cờ chính nghĩa” [Trương Bửu Lâm, *Patterns of Vietnamese Response to Foreign Intervention, 1858-1900* (Những mô hình phản ứng của Việt Nam trước sự can thiệp từ bên ngoài, 1858-1900) Yale University Southeast Asian Studies, New Haven, Connecticut, 1967, tr 63-64.

Rõ ràng là vua Quang Trung tự xếp mình vào hàng ngũ những bậc anh hùng kia và ám chỉ rằng cuộc tấn công của ông vào quân Thanh cũng sẽ thắng lợi như thế. Lợi dụng lúc sắp đến ngày Tết nguyên đán, vị lãnh tụ Tây Sơn tính toán sao cho cuộc tấn công của ông trùng với ngày lễ tết. Ông suy luận chính xác rằng quân Thanh sẽ vui tết và sẽ không phòng bị trước cuộc tấn công của quân Tây Sơn, vốn đã để cho quân Thanh thấy họ rút lui trước đạo quân hùng hậu đến từ phương Bắc. Vua Quang Trung tập hợp đạo quân của mình lại và hứa với họ là việc mừng lễ tết của họ sẽ chỉ hoãn lại vài ngày và ngày mừng 7, họ sẽ vui tết trong thành Thăng long. Vì vậy, vào những ngày đầu năm âm lịch (tháng 1-2 năm 1789), vua Quang Trung tổ chức một cuộc tấn công nhanh chóng tiêu diệt đạo quân Thanh không phòng bị. Hàng ngàn quân Thanh bị tiêu diệt trong ngày đầu của cuộc tấn công, phần lớn những kẻ còn lại bỏ chạy tán loạn, trong đó có nhiều tướng nhà Thanh. Bản thân vua Lê cũng bỏ chạy khi tin tức về cuộc tấn công đến tai ông, và ông nhanh chóng đi theo lộ trình sang Tàu. Như vị tư lệnh đã hứa, quân đội Tây Sơn vào thành Thăng Long sau chưa đầy 7 ngày.” (George Dutton, *Sđd*, trang 206-207).

Nhà sử học Tạ Chí Đại Trường cho biết: “Trái lại, khi bàn về Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh đang ở thế đối địch, Nguyễn đình Giản cũng coi đều nhận “Bắc bình vương là một tay anh hùng”. Khi triều thần Bắc hà họp lại để bàn việc cử người vào đòi Nghệ an, Phan Lê Phiên loại Nguyễn đình Giản, Phạm đình Dư, viện lẽ Bắc bình vương là người rất quyết, hay dùng trí thuật lao lung người khác, trong lúc bàn luận, khi xuống lại nâng lên người ta không biết đầu mà dò... Nguyễn Huệ là bậc lão thủ hung tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam thật là xuất thần quỷ nhập. Không ai có thể dò biết. Y bắt Nguyễn hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh y, ai cũng mất cả hồn vía, sợ hơn cả sấm sét...” [Hoàng Lê nhất thống chí t. 89, 90, 162, 163, 167, t.252] (Tạ Chí Đại Trường, Sđd, trang 272).

Khi kết luận tác phẩm viết về Tây Sơn, ở trang 400, linh mục sử gia Nguyễn Phương viết: *“Nhưng Tây Sơn vẫn có một đặc điểm, đặc điểm này chính là cái vẻ ngang tàng trong khi thi hành vai trò lịch sử của họ, và nhân vật điển hình là Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ là một vị anh hùng, nhưng không phải một vị anh hùng suông. Khi nói đến anh hùng Nguyễn Huệ người ta nhận thấy cần phải thêm vào một tính tự: phiêu lưu. Nói cách khác, ông là một tay phiêu lưu với qui mô một vị anh hùng. Chính tính cách phiêu lưu này đã in sâu vào trí óc người Việt, khiến họ dễ nhớ đến ông, dễ ca tụng ông. Đó cũng là một khía cạnh anh hùng bổ túc cho nhiều khía cạnh anh hùng nữa, mà khả năng muôn mặt của người dân Việt có thể đạt tới.*

Có Tây sơn, lịch sử Việt nam thêm linh động, thêm hào hứng...

Nguyễn Đức Cung

Philadelphia 01 tháng Bảy, 2025



Tác giả Nguyễn Đức Cung dưới chân tượng Quang Trung



Trong nhà hàng Ninh Kiều, bàn các linh mục lúc ăn trưa...



Trong nhà hàng Ninh Kiều, Atlantic City, NJ



Giải lao vào buổi trưa, do nhà hàng Ninh Kiều, AC khoản đãi.

